

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/KDTM-PT

Ngày 26 - 11 - 2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông La Minh Tường.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bình;
Ông Bùi Văn Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Liên Hoa, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2018/TLPT/KDTM ngày 05/10/2018 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018 ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐ-PT ngày 06/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức T;

Địa chỉ: Đường H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Đức T, Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP X; địa chỉ: T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Giấy ủy quyền số 205/V -UQ ngày 11/10/2016); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại H.

Địa chỉ: Đường H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Văn P, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư H. Địa chỉ: Đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ; Đường H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2016, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức T (gọi tắt là V) trình bày: V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại H (gọi tắt là DNTN H) phải trả tổng số nợ 3.732.203.319 đồng; tiền lãi phát sinh kể từ 11/9/2016 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi trả hết nợ, cụ thể:

Ngày 17/6/2011, Ngân hàng Thương mại cổ phần X chi nhánh H (gọi tắt là Ngân hàng E H) đã ký Hợp đồng tín dụng số 1604-LAW-201100775 cho DNTN H vay hạn mức số tiền: 9.700.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng E H đã giải ngân và DNTN H nhận nợ theo 07 Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ với tổng số tiền 4.461.500.000 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, DNTN H đã thanh toán nợ, tất toán 04 hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ.

Đối với 03 Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ còn lại đã trả được nợ gốc là 290.000.000 đồng, nợ lãi là 639.204.605 đồng.

Dư nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng số 1604-LAW-201100775 tính đến ngày 10/9/2016 là **3.732.203.319** đồng. (Trong đó nợ gốc **2.300.000.000** đồng, lãi trong hạn 1.242.964.431 đồng, lãi quá hạn 189.238.888 đồng).

Ngày 09/8/2010, vợ chồng ông Huỳnh L và bà Nguyễn Thị H dùng tài sản là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 652598, ngày 28/07/2010 tại thửa đất số 784, tờ bản đồ số 10, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, thế chấp bảo đảm cho khoản vay của DNTN H nói trên. Hợp đồng được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, DNTN H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản nợ đã quá hạn từ ngày 20/4/2012. Ngân hàng E đã gia hạn tiền gốc, lãi đến 31/10/2013. Nhưng DNTN H vẫn chưa thanh toán nợ.

Ngày 12/8/2015, Ngân hàng Thương mại cổ phần X (gọi tắt là Ngân hàng E) đã bán toàn bộ khoản nợ gốc, nợ lãi của DNTN H cho V theo Hợp đồng mua, bán nợ số 13128/2015/MBN.V2-E, với giá 2.258.500.000 đồng. Trên tổng số nợ gốc và lãi mà DNTN H còn nợ của Ngân hàng E tính đến ngày 30/6/2015 là 3.403.557.966 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 1604-LAV-201100775 ngày 17/6/2011. Như vậy, kể từ ngày 12/8/2015, V trở thành chủ nợ khoản nợ vay của DNTN H.

Vì vậy, V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc DNTN H phải trả tổng số nợ là 3.732.203.319 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ 11/9/2016 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, V bổ sung số tiền lãi tính đến ngày 09/8/2018; cụ thể tổng số tiền yêu cầu DNTN H trả nợ là: 4.363.826.524 đồng; trong đó: Nợ gốc: 2.300.000.000 đồng; lãi trong hạn: 1.662.220.057 đồng; lãi quá hạn: 401.606.467 đồng. Đồng thời yêu cầu DNTN H phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh sau ngày 10/8/2018 đến khi thanh toán hết nợ gốc.

Trường hợp ông Huỳnh L không trả đủ nợ thì đề nghị Hội đồng xét xử tuyên V có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất nói trên của vợ chồng ông L và bà H để thu hồi nợ.

Bị đơn, ông Huỳnh L chủ DNTN H cho rằng:

- Chữ ký tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1604-LDS-201101088 ngày 12/7/2011 không phải chữ ký của ông. Vì vậy, ông đề nghị giám định chữ ký. Đồng thời xác minh làm rõ vì sao trong hợp đồng này có một bản ghi thời gian trả nợ là 12 tháng và một bản ghi thời gian trả nợ là 6 tháng.

- Ngày 20/7/2011 Ngân hàng E H đã tự ý khấu trừ trước thời hạn trả nợ trong tài khoản của DNTN H để thu nợ đối với hợp đồng giải ngân ngày 07/7/2011 với số tiền 290.000.000 đồng, số tiền đó là DNTN H chuyển khoản để tạm ứng cho Công ty TNHH H để thanh toán hợp đồng mua bán với công ty TNHH MTV Thương mại quốc tế H, làm cho DNTN H bị thiệt hại, yêu cầu ngân hàng phải bồi thường.

- DNTN H xác nhận chỉ còn nợ Ngân hàng E Huế 1.650.000.000 đồng nợ gốc của hai hợp đồng số 1604-LDS- 201101079 và 1604-LDS-201101089, chứ không phải 2.3000.000.000 đồng. Về tiền lãi đề nghị Ngân hàng xem xét cơ cấu lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền là: 4.363.826.524 đồng nhưng chưa có chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

- Tại buổi làm việc ngày 16/11/2017 giữa đại diện chi nhánh Ngân hàng E H và bà Nguyễn Thị H thì bà H có yêu cầu ngân hàng đối chiếu các khoản vay, trả lãi kể từ ngày bà ký hợp đồng bảo lãnh 10/8/2010 đến tháng 7/2011 và thông báo điều chỉnh lãi suất mà ngân hàng đã điều chỉnh nhưng ngân hàng vẫn không đối chiếu.

- Khoản nợ mà V khởi kiện là khoản tiền vay của Doanh nghiệp H với Ngân hàng E H, trước đây Tòa án đã thụ lý vụ án nhưng sau đó đình chỉ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 03/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để xác định V là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng E .

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ là hợp đồng san lấp mặt bằng tại thửa đất thể chấp và trưng cầu giám định chữ ký của tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1604-LDS-201101088.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H không đồng ý về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của nguyên đơn vì các lý do sau:

- Ngày 16/11/2017 bà đã yêu cầu Ngân hàng E H đối chiếu công nợ nhưng ngân hàng vẫn không đối chiếu.

- Thời hạn của hợp đồng bảo lãnh là đến năm 2020 như vậy hợp đồng chưa đến hạn nhưng buộc trả nợ là không đúng .

- Vợ chồng bà có san lấp mặt bằng tại thửa đất thế chấp nên đề nghị xem xét quyền lợi của vợ chồng bà.

Ngày 13/8/2018 Tòa án nhân dân thành phố H đã đưa vụ án ra xét xử và quyết định như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 290, 342, 343, 344, 355, 361, 369, 471, 474, 715, 716, 720, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 và khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức T.

Buộc ông Huỳnh L - Chủ doanh nghiệp tư nhân thương mại H phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức T tổng số tiền: 4.363.826.524 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 2.300.000.000 đồng;
- Lãi trong hạn (tính đến ngày 09/8/2018): 1.662.220.057 đồng;
- Lãi quá hạn (tính đến ngày 09/8/2018): 401.606.467 đồng;

Ông Huỳnh L - Chủ doanh nghiệp tư nhân thương mại H phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức T số tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 10/8/2018 đến khi thanh toán khoản nợ gốc này.

Trường hợp DNTN H không trả đủ nợ thì V có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 784, tờ bản đồ số 10, địa chỉ xã Cam Thanh, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị để thu hồi nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/8/2018 DNTN H, ông Huỳnh L, bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung:

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vì vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và nội dung.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh cho rằng; Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các bên đương sự đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự, không vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.1] Về xác định tư cách người tham gia tố tụng:

Vợ chồng ông Huỳnh L và bà Nguyễn Thị H dùng tài sản là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 652598, ngày 28/07/2010 tại thửa đất số 784, tờ bản đồ số 10, xã C, huyện, tỉnh Quảng Trị, thế chấp bảo đảm cho khoản vay của DNTN H nói trên. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định ông Huỳnh L đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bỏ sót người tham gia tố tụng.

- Về kháng cáo cho rằng Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng của V nguyên đơn là không đúng với điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 03/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, mà phải xác định V là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng E. Trong trường hợp V là nguyên đơn thì phải đưa Ngân hàng E tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Hội đồng xét xử xét thấy; Trong vụ án này vào ngày 11/10/2016 người đại diện theo ủy quyền của V trực tiếp ký đơn khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định V nguyên đơn là đúng pháp luật, được quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng Dân sự. Còn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 03/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thì khi Tòa án đang thụ lý giải quyết mà đương sự thực hiện việc mua bán nợ xấu thì Tòa án căn cứ vào hợp đồng mua bán nợ để bổ sung việc xác định tư cách của người mua là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bên bán.

[1.2] Về quan hệ pháp luật:

Theo nội dung khởi kiện, thì V yêu cầu DNTN H phải trả số tiền còn nợ và tính lãi theo hợp đồng tín dụng mà V đã mua bán nợ của Ngân hàng E. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” là không chính xác mà cần xác định đây là “Tranh chấp nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng”.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét đơn kháng cáo của Ông Huỳnh L - Chủ doanh nghiệp tư nhân thương mại H (gọi tắt là DNTN H) có các nội dung:

- Đề nghị trung cầu giám định chữ ký tại hợp đồng số 1604-LDS-201101088 ngày 12/7/2011, vì ông cho rằng có sự giả mạo chữ ký của ông. Trong phần trả nợ vay có một bản ghi thời gian trả nợ là 12 tháng và một bản ghi thời gian trả nợ là 6 tháng.

- Đề nghị xác định số tiền nợ gốc, vì số tiền còn nợ trước khi mua bán chưa được DNTN H thống nhất về số nợ gốc. DNTN H chỉ thừa nhận nợ gốc là 1.650.000.000 đồng. Về tiền lãi phát sinh, V yêu cầu DNTN H trả nợ không có cơ sở.

- Đề nghị xem lại khoản thiệt hại do Ngân hàng E H đã tự ý khấu trừ trước thời hạn trả nợ (khấu trừ ngày 20/7/2011) trong tài khoản của DNTN H để thu nợ đối với hợp đồng giải ngân ngày 07/7/2011 với số tiền 290.000.000 đồng, số tiền đó là doanh nghiệp H chuyển khoản để tạm ứng cho Công ty TNHH HK để thanh toán hợp đồng mua bán với công ty TNHH MTV Thương mại quốc tế H làm cho Doanh nghiệp H bị thiệt hại.

[2.2]. Hội đồng xét xử nhận thấy, toàn bộ số tiền mà V khởi kiện DNTN H xuất phát từ hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng E với DNTN H còn nhiều vấn đề chưa thống nhất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ như:

- Về số tiền DNTN H còn nợ Ngân hàng E thực tế trước khi bán cho V chính xác là bao nhiêu? Số tiền này đã có văn bản xác nhận nợ xấu theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc Hội và điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 03/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hay chưa?

- Cần làm rõ khoản tiền 290.000.000 đồng là DNTN H dùng để trả nợ gốc hay số tiền mà Ngân hàng E Huế đã tự ý thu trước thời hạn. Tại sao lại có 02 Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1604-LDS-201101088 trong đó một bản ghi thời hạn vay là 06 tháng và một bản ghi thời hạn vay là 12 tháng.

- Sau khi bán nợ trong thời hạn 10 ngày Ngân hàng N theo E đã thông báo việc mua bán nợ cho DNTN H và bà H biết hay chưa? Trong quá trình xét xử và tại phiên tòa DNTN H và bà H cho rằng chưa nhận được thông báo của ngân hàng E về việc mua, bán đối với khoản nợ của DNTN H cho V.

- Những nội dung nêu trên thuộc về trách nhiệm chứng minh của Ngân hàng E theo quy định tại Điều 31 Nghị định 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ và khoản 1 Điều 16; khoản 4 Điều 18 Thông tư 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam và thỏa thuận tại Điều 5 Hợp đồng mua bán nợ.

Lẽ ra trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án phải đưa Ngân hàng E tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để giải quyết triệt để các nội dung yêu cầu của vụ án. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định Ngân hàng E là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bỏ sót người tham gia tố tụng.

[2.3]. Về yêu cầu trả lãi phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án:

- Theo Hợp đồng mua, bán nợ ngày 12/8/2015, mà Ngân hàng E đã bán toàn bộ khoản nợ gốc, nợ lãi của DNTN H cho V là 3.403.557.966 đồng. Theo Điều 2 của Hợp đồng thỏa thuận: “Kể từ ngày hợp đồng mua bán nợ có hiệu lực thì Ngân hàng E không còn quyền đối với số nợ đã bán ở trên”. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không yêu cầu V chứng minh làm rõ sau khi mua bán nợ đã thực hiện các chức năng hoạt động theo quy định tại Điều 12 Nghị định 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ theo giấy phép hoạt động hay chưa? V có cơ cấu, thỏa thuận mức lãi suất chậm trả với DNTN H hay chưa? V có chức năng tín dụng hay không.

Nhưng Tòa án sơ thẩm căn cứ vào các Bảng tính lãi cho vay chi tiết của khách hàng DNTN H do giám đốc Ngân hàng Ngân hàng E chi nhánh Huế ký ngày 09/8/2018 (từ BL 226 đến 231) để buộc DNTN H phải trả cho V khoản lãi từ ngày ký hợp đồng mua bán nợ đến ngày 09/8/2018 là chưa chính xác và không có cơ sở, mà việc yêu cầu lãi phải do V xác định.

[2.4]. Về yêu cầu nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm không đúng quy định theo Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Cụ thể đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại số tiền 2.000.000 đồng chứ không phải 300.000 đồng như Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu.

[2.5]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Bản án sơ thẩm đã có những sai sót nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và nội dung mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố Huế giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: DNTN H và bà H không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2018 ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức T.

Bị đơn: Ông Huỳnh L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H.

2. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế để giải quyết lại theo trình tự, thủ tục chung.

3. Về án phí: Án phí sơ thẩm: Tòa án sơ thẩm sẽ quyết định khi giải quyết lại vụ án.

Án phí phúc thẩm: Các bên đương sự không phải chịu. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo cho DNTN H: 300.000 đồng theo biên lai số 006035 ngày 21/9/2018; trả cho Bà Nguyễn Thị H 300.000 đồng theo biên lai số 006034 ngày 21/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- TAND Tp H;
- Chi cục THADS Tp H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP; Tòa Kinh tế.

Đã ký

LA MINH TƯỜNG